

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2019/DS-ST

Ngày: 20-11-2019

V/v “Tranh chấp về đòi lại tài sản là  
di sản thừa kế, tranh chấp về đòi tài  
sản và tranh chấp về hợp đồng  
góp hụi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Văn Cứ;

Ông Mai Trần Phúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp về đòi tài sản là di sản thừa kế, tranh chấp về đòi tài sản và tranh chấp về hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2019/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Phước Đ, sinh ngày 25/12/2001 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 12/81, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Phước V, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Số 12/81, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Ông Biện Thanh H (tự B), sinh năm 1978 (có mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Số 13/38, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Nơi cư trú hiện nay: Tổ 17, ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Phạm Trường H, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt) và bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1976 (vắng mặt). Cùng địa chỉ: Tổ 17, ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bà Nguyễn Thị Thu V ủy quyền cho ông Phạm Trường H tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền ngày **23/10/2018**).

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 15, ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn – anh Nguyễn Phước Đ là ông Nguyễn Phước V trình bày:*

Nguyên trước đây ông và bà Nguyễn Thị Ngọc B là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định số: 182/2014/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Ông, bà có 01 người con chung tên Nguyễn Phước Đ, sinh ngày 25/12/2001. Cha của bà B tên Nguyễn Văn R, sinh năm 1937 – chết năm 2005. Mẹ của bà B tên Nguyễn Thị M, sinh năm 1955 – chết năm 2009. Ngoài ra, bà B không có người con riêng và con nuôi nào khác.

Ngày 27/6/2017, bà B chết do bị tai nạn giao thông và không để lại di chúc. Di sản của bà B chết để lại gồm: Phần đất có diện tích 150m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế diện tích 150m<sup>2</sup>), thuộc thửa đất số 460, tờ bản đồ số 44 (trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện tờ bản đồ số 41), tọa lạc tại Tổ 17, ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh cùng căn nhà cấp 4 được xây dựng trên đất. Đất có số vào sổ cấp GCN: CS04082 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16/11/2015 cho bà Nguyễn Thị Ngọc B đứng tên.

Hiện tại ông Biện Thanh H là người đang quản lý di sản của bà B chết để lại. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H trả lại cho anh Nguyễn Phước Đ di sản trên.

Ông Biện Thanh H có đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu nguyên đơn – anh Nguyễn Phước Đ là con trai của ông trả lại cho ông H số tiền 75.100.000 đồng, bao gồm: 30.000.000 đồng tiền mua đất và 45.100.000 đồng tiền mua vật liệu xây dựng. Với tư cách là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn thì ông không đồng ý. Vì nguồn tiền để bà B mua đất và xây dựng nhà là từ tiền riêng của bà B do bà B vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Châu Thành và đi Singapore lao động có được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Trường H và bà Nguyễn Thị Thu V có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu nguyên đơn trả cho ông, bà số tiền 42.000.000 đồng, bao gồm: 15.000.000 đồng tiền mua đất, 17.000.000 đồng tiền hụi, 4.000.000 đồng tiền viện phí, 4.000.000 đồng tiền mượn của bà Lê Thị Kim T và 2.000.000 đồng tiền mượn của bà C Thị S. Nay ông H và bà V

chỉ yêu cầu nguyên đơn trả 17.000.000 đồng tiền hối, các yêu cầu còn lại thì đã rút. Ông đồng ý trả cho ông H, bà V số tiền hối 17.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu nguyên đơn trả cho bà số tiền 18.000.000 đồng, bao gồm: 15.000.000 đồng tiền mua đất và 3.000.000 đồng tiền mượn của bà Lê Tuyết H. Nay bà N đã có đơn xin rút lại đơn yêu cầu độc lập, ông không có ý kiến gì.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc tài sản tranh chấp: Số tiền 1.304.000 đồng, ông tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc tài sản tranh chấp. Ông đã nộp xong.

**Về chi phí giám định:** Số tiền 2.040.000 đồng, ông đã tạm nộp đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 23/10/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Biện Thanh H trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của đại diện theo pháp luật của nguyên đơn về hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị Ngọc B. Hiện tại anh Nguyễn Phước Đ là người thừa kế duy nhất của bà B. Khoảng 2 – 3 tháng, sau khi ly hôn với ông V, bà B có đi sang Singapore hai lần để du lịch, không phải đi hợp tác lao động, vì sau này bà B nói cho ông biết. Chi phí bà B đi du lịch có từ đâu thì ông không biết.

Sau khi ly hôn với ông V thì bà B không có tài sản gì, tiền mua vật liệu xây dựng và tiền mua đất là tiền riêng của ông do ông làm công nhân của Công ty Bao bì tại Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2000 đến năm 2015 tích lũy có được. Năm 2015, ông về lại Tây Ninh và khoảng mấy tháng sau, ông bắt đầu chung sống với bà B như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Ông là người trực tiếp đi mua vật liệu xây dựng và đã trả tiền đầy đủ cho Cửa hàng Vật liệu xây dựng Nam Anh, có địa chỉ tại: ấp Bình Trung, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Khi thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng, Cửa hàng có giao cho ông 01 hóa đơn bán hàng ngày 12/3/2016. Tại hóa đơn bán hàng thể hiện ông là người mua hàng.

Riêng tiền mua đất tổng cộng 60.000.000 đồng, ông trả trước bằng tiền của ông 30.000.000 đồng, 30.000.000 đồng còn lại ông và bà B mượn của bà V và bà N. Sau khi mượn tiền, ông chở bà B đến nhà bà Phạm Thị C (tự H) để trả. Tại thời điểm mua đất, bà C có viết “Giấy bán đất ngày 12/10/2015” và bà B ký, ghi họ tên bên người mua. Ông khẳng định bà C bán đất là bán cho ông và bà B, do tại thời điểm hai bên lập giấy bán đất, ông đi lái xe taxi nên chỉ có bà B ký tên. Sau khi bà B chết, anh Đ khởi kiện nên ông mới yêu cầu bà C viết thêm phần xác nhận vào phía dưới tờ giấy bán đất với nội dung: Vào ngày 12/10, bà C có bán cho bà B và ông 01 phần (miếng) đất, bà C có nhận của ông và bà B 30.000.000 đồng, số tiền còn lại 01 tháng sau ông đem trả và có xác nhận vào ngày 22/10/2018 của ông Lê Văn H, bà Đào Huệ C và ông Phạm Văn T.

Ông xác định khi xây dựng căn nhà cấp 4, ông chỉ bỏ ra 45.100.000 đồng là tiền riêng của ông để mua vật liệu xây dựng, các khoản tiền còn lại dùng để

xây dựng căn nhà và làm hàng rào là từ tiền của bà B do hốt hụi và vay Ngân hàng.

Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố, yêu cầu anh Nguyễn Phước Đ trả lại cho ông 75.100.000 đồng, bao gồm: 30.000.000 đồng tiền ông bỏ ra góp cùng bà B mua đất và 45.100.000 đồng tiền riêng của ông dùng mua vật liệu xây dựng.

Nay ông đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông sẽ trả lại tài sản là phần đất có diện tích 150m<sup>2</sup>, thửa đất số 460, tờ bản đồ số 44 tọa lạc tại số Tờ 17, ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh cùng căn nhà cấp 4 được xây dựng trên phần đất và anh Đ có nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền trên.

*Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 22/10/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Thu V trình bày:*

Bà là chị ruột của bà Nguyễn Thị Ngọc B. Bà cũng thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn và bị đơn về hàng thừa kế của bà B. Vào năm 2014, bà B ly hôn với ông Nguyễn Phước V. Sau khi ly hôn, bà B về sống tại nhà vợ chồng của bà. Năm 2015, bà B chung sống với ông Biện Thanh H (tự B) như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Ngày 04/10/2015, bà B và ông H có mượn của vợ chồng bà 15.000.000 đồng và mượn của bà Nguyễn Thị N 15.000.000 đồng để trả tiền mua đất cho bà Phạm Thị C (tự H) là em gái của chồng bà. Việc mượn tiền giữa các bên có viết giấy tay do bà giữ.

Năm 2016, bà B và ông H xây dựng căn nhà cấp 4. Trong quá trình xây dựng căn nhà, do thiếu hụt tiền nên bà B và ông H có tham gia 01 phần hụi 1.000.000 đồng, gồm 26 phần do bà Lê Thị Kim T, trú tại ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh làm chủ. Hụi khai ngày 15/9/2016. Bà B đóng được đến kỳ thứ 3 thì hốt hụi. Sau khi hốt hụi, bà B đóng hụi chết đến kỳ hụi thứ 9 thì bà B chết, còn nợ lại 17 kỳ hụi chết với số tiền 17.000.000 đồng. Ngoài ra, bà B có mượn của bà C Thị S 2.000.000 đồng và bà Lê Thị Kim T 4.000.000 đồng. Khi bà B bị tai nạn giao thông, bà đứng ra đóng tiền viện phí cho bà B với số tiền 4.000.000 đồng, đóng hụi chết cho bà T thay bà B vì bà là người bảo lãnh cho bà B khi tham gia hụi và trả nợ cho bà S và bà T thay cho bà B. Tổng cộng, số tiền 42.000.000 đồng.

Giấy nhận nợ đề ngày 04/10/2015 do ông Biện Thanh H viết tại thời điểm ông H và bà B vay tiền của bà và bà N. Giấy nợ được ông H viết tại nhà của vợ chồng bà. Toàn bộ chữ viết tên Nguyễn Thị Ngọc B, Nguyễn Thị Thu V và Nguyễn Thị N cũng do ông H viết. Bà, bà B và bà N chỉ ký tên.

Tại Kết luận giám định thể hiện chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Thị Ngọc B không phải do bà B ký và viết ra. Nay bà chỉ yêu cầu anh Nguyễn Phước Đ trả lại cho vợ chồng bà 17.000.000 đồng tiền hụi. Các khoản còn lại thì bà rút yêu cầu. Vì do bà không có điều kiện đi lại để yêu cầu Tòa án tiến hành giám định lại và cũng không có chứng cứ là giấy tờ gì thể hiện bà trả nợ thay cho bà B.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu V là ông Phạm Trường H trình bày:*

Ông cũng thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà Nguyễn Thị Thu V. Nay ông chỉ yêu cầu anh Nguyễn Phước Đ có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng ông số tiền hụi 17.000.000 đồng. Tất cả các khoản tiền còn lại thì vợ chồng ông rút yêu cầu.

*Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 22/10/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà là em gái của bà Nguyễn Thị Ngọc B. Bà cũng thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về hàng thừa kế của bà B. Sau khi ly hôn với ông V, bà B về sống nhờ tại nhà vợ chồng ông Phạm Trường H và bà Nguyễn Thị Thu V. Trong thời gian này, bà B có đi du lịch sang Singapore hai lần, mỗi lần đi với thời gian khoảng một tháng thì về. Bà B đi sang Singapore du lịch do có người quen giới thiệu đi hay như thế nào thì bà không biết. Đến năm 2015 thì bà B và ông H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Vào ngày 04/10/2015, bà có cho bà B, ông H mượn 15.000.000 đồng để trả tiền mua đất cho bà Phạm Thị C và bà B có mượn của bà Lê Thị Tuyết H 3.000.000 đồng. Do bà là người bảo lãnh cho bà B khi mượn tiền của bà H nên sau khi bà B bị tai nạn chết, bà đứng ra trả cho bà H 3.000.000 đồng thay bà B. Việc bà H cho bà B mượn tiền và việc bà trả tiền cho bà H thay bà B, các bên chỉ thỏa thuận miệng, không làm giấy tờ do là chỗ họ hàng.

Giấy nhận nợ đề ngày 04/10/2015 do ông Biện Thanh H viết tại thời điểm ông H và bà B vay tiền của bà V và bà. Giấy nợ được ông H viết tại nhà bà V. Toàn bộ chữ viết tên Nguyễn Thị Ngọc B, Nguyễn Thị Thu V và Nguyễn Thị N cũng do ông H viết. Bà, bà B và bà V chỉ ký tên. Kết luận giám định thể hiện chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Thị Ngọc B không phải do bà B ký và viết ra, nhưng do bà bận đi làm không có thời gian để đi lại. Nên bà không yêu cầu Tòa án giám định lại.

Nay bà rút lại yêu cầu độc lập đòi số tiền 18.000.000 đồng đối với anh Nguyễn Phước Đ.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Phước Đ đối với Biện Thanh H, buộc Biện Thanh H có trách nhiệm trả lại cho Nguyễn Phước Đ 01 phần đất diện tích 150m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 460, tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Biện Thanh H đối với Nguyễn Phước Đ, buộc Nguyễn Phước Đ có nghĩa vụ trả lại cho Biện Thanh H số tiền 22.550.000 đồng. Không



chấp nhận yêu cầu của ông H yêu cầu anh Đ trả số tiền 30.000.000 đồng; ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông V và bà V, ông H, anh Đ có nghĩa vụ trả lại cho bà V và ông H số tiền 17.000.000 đồng. Đình chỉ đối với phần yêu cầu số tiền 15.000.000 đồng mà ông H, bà V đã rút yêu cầu; đình chỉ đối với yêu cầu trả lại số tiền 18.000.000 đồng của bà N, do bà N rút toàn bộ yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **\* Về tố tụng:**

[1] Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp về đòi lại tài sản là di sản thừa kế, tranh chấp về đòi tài sản và tranh chấp về hợp đồng góp hụi” được quy định tại khoản 2, 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn cư trú tại: Tổ 17, ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

[3] Bà Nguyễn Thị Thu V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt và đã ủy quyền cho ông Phạm Trường H. Ông Phạm Trường H, bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà V và bà N.

#### **\* Về nội dung:**

[1] Xét yêu cầu của của nguyên đơn thì thấy rằng, tất cả các đương sự đều thống nhất: Bà Nguyễn Thị Ngọc B chết vào ngày 27/6/2017, không để lại di chúc. Cha và mẹ của của bà B là cụ Nguyễn Văn R (sinh năm 1937 – chết năm 2005) và cụ Nguyễn Thị M (sinh năm 1955 – chết năm 2009). Bà B chỉ có một người con duy nhất là anh Nguyễn Phước Đ, ngoài ra, không có người con nuôi nào khác. Do đó, căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất của bà B là anh Nguyễn Phước Đ.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Biện Thanh H đồng ý trả lại tài sản là di sản thừa kế của bà B để lại là phần đất có diện tích 150m<sup>2</sup> cùng căn nhà cấp 4 được xây dựng trên đất theo yêu cầu cho anh Đ. Nhưng anh Đ phải trả lại cho ông số tiền 75.100.000 đồng, bao gồm: 30.000.000 đồng tiền ông góp cùng bà B chuyển nhượng đất và 45.100.000 đồng tiền mua vật liệu xây dựng.

[3] Xét thấy, ông H chỉ chung sống với bà B như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Ông H thống nhất di sản thừa kế của bà B chết để lại là phần đất có

diện tích 150m<sup>2</sup> cùng căn nhà cấp 4 được xây dựng trên đất. Căn cứ theo quy định tại điểm b tiểu mục 2.4 mục 2 Phần I Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có quy định: "*Trường hợp người chết để lại di sản cho các thừa kế nhưng các thừa kế không trực tiếp quản lý, sử dụng mà di sản đó đang do người khác chiếm hữu bất hợp pháp hoặc thuê, mượn, quản lý theo ủy quyền... thì các thừa kế có quyền khởi kiện người khác đó để đòi lại di sản*" thì ông H phải có nghĩa vụ trả lại di sản thừa kế ông đang quản lý theo yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn – ông Biện Thanh H thì thấy rằng: Đối với số tiền 30.000.000 đồng góp mua đất. Tại “Giấy bán đất” đề ngày 12/10/2015 (trong giấy thể hiện là năm 20015), chỉ thể hiện nội dung người mua đất là bà B và người bán đất là bà Phạm Thị C. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông H trình bày, phần nội dung tiếp theo được ghi phía dưới của tờ giấy được bà C xác nhận vào ngày 22/10/2018, sau khi bà B chết. Ngoài Tờ giấy bán đất này ra, ông H không còn cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới nào khác để chứng minh cho việc ông góp số tiền 30.000.000 đồng cùng bà B mua đất.

[5] Đối với yêu cầu đòi số tiền 45.100.000 đồng tiền mua vật liệu xây dựng. Tại “Hóa đơn bán hàng” ngày 12/3/2016 của Cửa hàng vật liệu xây dựng Nam Anh, có địa chỉ tại: ấp Bình Trung, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh thể hiện: người mua hàng là B; người nhận hàng ký và ghi họ tên là Biện Thanh H. Tại biên bản xác minh ngày 26/9/2019 đối với bà Nguyễn Thị Lệ H là chủ của Cửa hàng vật liệu xây dựng Nam Anh thể hiện: Hóa đơn ngày 12/3/2016 do ông H (B) cung cấp cho Tòa án là do bà viết và giao cho vợ chồng ông H. Quá trình đi mua vật liệu xây dựng cả bà B và ông H cùng đến cửa hàng mua và đến mua nhiều lần. Các lần đi trả tiền cả hai vợ chồng ông H, bà B cùng tới trả cho bà. Ngoài ra, tại phiên tòa, ông H cũng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh số tiền 45.100.000 đồng là tiền riêng của ông. Do đó, có cơ sở xác định số tiền này là tài sản chung của ông H và bà B.

[6] Xét yêu cầu độc lập của ông Phạm Trường H và bà Nguyễn Thị Thu V: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H và bà V đã rút một phần yêu cầu yêu cầu độc lập đối với số tiền 25.000.000 đồng. Nay ông, bà chỉ yêu cầu anh Đ trả 17.000.000 đồng tiền hụi. Tại phiên tòa, ông V đại diện theo pháp luật của anh Đ đồng ý trả cho ông H, bà V 17.000.000 đồng tiền hụi. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu độc lập của ông H, bà V là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Xét yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị N: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N đã rút yêu cầu yêu cầu độc lập đối với số tiền 18.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút đơn yêu cầu độc lập của bà N là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – anh Nguyễn Phước Đ; chấp nhận một

phần yêu cầu phản tố của ông Biện Thanh H; chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Phạm Trường H và bà Nguyễn Thị Thu V. Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của ông H và bà V; đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị N.

[9] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc tài sản: Ghi nhận người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền 1.304.000 đồng. Ghi nhận đã nộp xong.

[10] Về chi phí giám định: Số tiền 2.040.000 đồng. Do yêu cầu giám định của phía nguyên đơn là có căn cứ nên ông Phạm Trường H, bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu 1.020.000 đồng; bà Nguyễn Thị N phải chịu 1.020.000 đồng. Do người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đã tạm nộp, nên ông H, bà V và bà N phải giao trả lại số tiền trên cho người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn.

[11] Về án phí: Anh Nguyễn Phước Đ phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 22.550.000 đồng phải trả cho ông Biện Thanh H và 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 17.000.000 đồng phải trả cho ông Phạm Trường H và bà Nguyễn Thị Thu V. Ông Biện Thanh H phải chịu 5% án phí đối với số tiền 52.550.000 đồng không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 166, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phước Đ về việc “tranh chấp về đòi lại tài sản là di sản thừa kế” đối với ông Biện Thanh H.

- Buộc ông Biện Thanh H có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Phước Đ phần đất có diện tích 150m<sup>2</sup> (trong đó: đất ở 50m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 100m<sup>2</sup>) gắn liền với căn nhà cấp 4 có diện tích 60.288m<sup>2</sup> (ngang 4,55m x dài 13,25m); nhà vệ sinh, nhà tắm diện tích 5,365m<sup>2</sup> (ngang 2,9m x dài 1,85m) và 01 hàng rào lưới B40 sau nhà, thuộc thửa đất số 460, tờ bản đồ số 44 (trong giấy chứng nhận QSDĐ thể hiện là tờ bản đồ số 41), tọa lạc tại Tổ 17, ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Đất có số vào sổ cấp GCN: CS04082 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16/11/2015 cho bà Nguyễn Thị Ngọc B đứng tên. Đất có tứ cận: Phía Đông giáp đường sỏi dài 5m; phía Tây giáp đất ông D dài 5m (thửa 80); phía Nam giáp đất bà C dài 34,12m (thửa 461); phía Bắc giáp đất bà L dài 32,17m (thửa 459).

- Giao cho ông Nguyễn Phước V quản lý di sản thừa kế trên cho đến khi anh Nguyễn Phước Đ đủ 18 tuổi thì giao lại cho anh Đ quản lý, sử dụng.



(Kèm theo bản trích đo chính lý bản đồ địa chính ngày 15/10/2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh Châu Thành).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Biện Thanh H về việc “tranh chấp về đòi tài sản” đối với anh Nguyễn Phước Đ.

- Buộc anh Nguyễn Phước Đ có nghĩa vụ trả cho ông Biện Thanh H số tiền 22.550.000 (hai mươi hai triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Phạm Trường H và bà Nguyễn Thị Thu V về việc “tranh chấp về hợp đồng góp hụi” đối với anh Nguyễn Phước Đ.

- Buộc anh Nguyễn Phước Đ có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Trường H và bà Nguyễn Thị Thu V số tiền hụi 17.000.000 (mười B triệu) đồng.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của ông Phạm Trường H và bà Nguyễn Thị Thu V về việc “tranh chấp về đòi tài sản” đối với anh Nguyễn Phước Đ.

5. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị N về việc “tranh chấp về đòi tài sản” đối với anh Nguyễn Phước Đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc tài sản: Ghi nhận người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền 1.304.000 (một triệu ba trăm lẻ bốn nghìn) đồng. Ghi nhận đã nộp xong.

7. Về chi phí giám định: Số tiền 2.040.000 (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng. Ông Phạm Trường H, bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu 1.020.000 (một triệu không trăm hai mươi nghìn) đồng; bà Nguyễn Thị N phải chịu 1.020.000 (một triệu không trăm hai mươi nghìn) đồng. Do người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đã tạm nộp, nên ông H, bà V và bà N phải giao trả lại số tiền trên cho người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn.

8. Về án phí:

- Ông Biện Thanh H phải chịu **2.627.500** (hai triệu sáu trăm hai mươi B nghìn năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **1.877.500** (một triệu tám trăm B mươi B nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu số **0019143** ngày **30/10/2018** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Ông H còn phải nộp tiếp số tiền **750.000** (B trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Anh Nguyễn Phước Đ phải chịu **1.977.500** (một triệu chín trăm B mươi B nghìn năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0018955 ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

**Anh Đ** còn phải nộp tiếp số tiền **1.677.500** (một triệu sáu trăm B mươi B nghìn năm trăm) đồng.

- Ông Phạm Trường H và bà Nguyễn Thị Thu V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **1.000.000** (một triệu) đồng theo biên lai thu số 0019125 ngày **23/10/2018** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Bà Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **450.000** (bốn trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0019133 ngày **26/10/2018** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn **15 (mười lăm)** ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- P.KTNV – TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ngọc Phượng**